

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU**

Số: **04** /NQ-HĐND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lai Châu, ngày **20** tháng 02 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29 tháng 11 năm 2024;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng
4 năm 2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản
phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường
xuyên; số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 quy định cơ chế tự chủ tài
chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2017 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng
ngân sách nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 02/2017/TT-BTC
ngày 06 tháng 01 năm 2017 hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp Bảo vệ môi
trường; số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung
một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017
hướng dẫn quản lý chi sự nghiệp bảo vệ môi trường; số 136/2017/TT-BTC*

ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường; số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính sau khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 527/TTr-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị ban hành Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu (có phụ lục danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XV, kỳ họp thứ hai mươi sáu thông qua ngày 20 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Giàng Páo Mỹ



PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh Lai Châu
(Kèm theo Nghị quyết số 04 /NQ-HĐND ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
A	LĨNH VỰC SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
I	Dịch vụ môi trường
1	Ứng phó, phục hồi sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh
2	Quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường có tính chất chi thường xuyên thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học
3	Điều tra thống kê nguồn thải
4	Thành lập bản đồ môi trường (không khí, nước mặt, đất) xây dựng bằng phương pháp sử dụng bản đồ nền cơ sở địa lý kết hợp với đo đạc, quan trắc bổ sung số liệu ngoài thực địa
5	Lập báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Lai Châu 5 năm; báo cáo chuyên đề môi trường hàng năm; lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược
6	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường; quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động
7	Hoạt động thu thập dữ liệu, chứng cứ để xác định thiệt hại do ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường; bồi thường và phục hồi môi trường
8	Lập, điều chỉnh kế hoạch, đề án, dự án, quản lý môi trường, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường
9	Phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường công cộng
10	Xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương
11	Xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt
12	Giám định chất thải; thực hiện quan trắc, phân tích nguồn thải (chất thải rắn, nước thải, khí thải, bụi...) phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh
13	Điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn và xác định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm

STT	TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
II	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
1	Quan trắc về đa dạng sinh học của tỉnh
2	Điều tra đa dạng sinh học
3	Xây dựng danh mục, chương trình bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
4	Điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại
B	HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
I	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai
1	Lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện và kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện
2	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể
3	Điều tra, đánh giá đất đai; xây dựng và thực hiện kế hoạch bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất đối với các khu vực đất bị thoái hóa, ô nhiễm trên địa bàn; thống kê các khu vực đất bị ô nhiễm; xử lý, cải tạo và phục hồi đất ở khu vực đất bị ô nhiễm trên địa bàn
4	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
5	Thống kê, kiểm kê, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất
6	Lập, chỉnh lý hồ sơ địa chính
7	Quản lý quỹ đất đã được bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quỹ đất nhận chuyển nhượng nhưng chưa có dự án đầu tư hoặc chưa đấu giá quyền sử dụng đất; đất đã thu hồi thuộc trách nhiệm quản lý của tổ chức phát triển quỹ đất theo quy định của luật đất đai; tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất; thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
II	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc bản đồ
1	Lập, cập nhật bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện
2	Đo đạc, thành lập, cập nhật bản đồ địa hình và bản đồ địa chính
3	Thành lập tập bản đồ của địa phương; đo đạc, thành lập các loại bản đồ chuyên ngành khác phục vụ quản lý nhà nước
III	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản



STT	TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
1	Điều tra cơ bản địa chất
2	Điều tra, khảo sát, lập báo cáo đánh giá tài nguyên khoáng sản phục vụ công tác quản lý và đấu giá quyền khai thác khoáng sản
3	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản
4	Xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đầu tư
5	Lập đề án thăm dò khoáng sản, tổ chức thăm dò khoáng sản, lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản
6	Lập đề án/phương án đóng cửa mỏ khoáng sản, tổ chức đóng cửa mỏ khoáng sản
IV	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
1	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước trên địa bàn
2	Kiểm kê tài nguyên nước
3	Lập, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước
4	Xác định, điều chỉnh vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh
5	Khoanh định, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất
6	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước
7	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành và lấy ý kiến Bộ Nông nghiệp và Môi trường trước khi phê duyệt; xây dựng quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý
8	Xây dựng, vận hành mạng quan trắc tài nguyên nước đối với các nguồn nước nội tỉnh
9	Xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước
V	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
1	Điều tra, khảo sát, quan trắc, giám sát tác động và dự báo, cảnh báo về khí tượng thủy văn



STT	TÊN DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG
2	Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính
3	Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; tổ chức đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu
4	Xây dựng Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu
VI	Dịch vụ khác
1	Xây dựng, vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu và duy trì hoạt động của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu các lĩnh vực tài nguyên và môi trường